

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 – AN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/DS-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố;
hợp đồng mượn tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bé Thi.
- ***Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phan Minh Quốc và ông Võ Thành Tâm.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang:*** Bà Trần Thị Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 653/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố; hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S;

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Hồng T – Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S (theo văn bản ủy quyền số 1992/2025/UQ-SVN ngày 02/4/2026) (có mặt).

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Thùy D**, sinh ngày 01/01/1975 (vắng mặt);

Căn cước công dân số: 089175022223;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay - Bà Đỗ Hồng T trình bày:

Ngày 24/12/2020, bà Phạm Thị Thùy D có ký kết hợp đồng cầm cố số LXM201201029NA19X với Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty); theo đó, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô biển số 67M1-693.96 do bà D đứng tên chủ sở hữu xe; số tiền cầm cố tài sản là 11.725.000 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng, tương đương 12 kỳ; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn); lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố bằng 1,1%/tháng số tiền cầm cố, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng đối với số tiền quá hạn thanh toán tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Ngoài ra, bà D ký giấy mượn xe để mượn lại xe đã cầm cố trên làm phương tiện đi lại từ Công ty; hai bên không thỏa thuận chi phí mượn xe. Cùng ngày 24/12/2020, bà D đã nhận đủ số tiền cầm cố là 11.725.000 đồng và đã được giao lại xe mô tô trên để sử dụng theo như thỏa thuận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, bà D thanh toán được cho Công ty F kỳ với số tiền gốc đã trả là 4.722.082 đồng, lãi đã trả là 635.918 đồng. Sau đó, bà D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe nữa, đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, công ty đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên đến gặp trực tiếp bà D để yêu cầu bà thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của bà với Công ty. Mặc dù đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà D vẫn không hợp tác và không có thiện chí để thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 07/5/2026, bà D còn nợ Công ty số tiền gốc là 7.002.918 đồng, lãi trong hạn là 236.553 đồng, lãi quá hạn là 6.963.702 đồng.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 07/5/2026 tổng cộng là 14.203.173 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận tính từ ngày 08/5/2026 cho đến khi bà D thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty. Ngoài ra, Công ty xin rút lại yêu cầu về việc buộc bà D trả các khoản phí quản lý hồ sơ số tiền là 3.155.257 đồng, phí mượn xe là 1.022.303 đồng, kê biên xử lý tài sản bảo đảm. Trong trường hợp bà D thanh toán các khoản nợ nêu trên cho Công ty, Công ty sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 057063 cấp ngày 11/11/2019 đứng tên Phạm Thị Thùy D cho bà D.

*** Đối với bị đơn bà Phạm Thị Thùy D:**

Trong quá trình tố tụng bà D vắng mặt, Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời triệu tập bà D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Tại phiên tòa, bà T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà D vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Thị Thùy D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 14.203.173 đồng; trong đó tiền gốc là 7.002.918 đồng, lãi trong hạn là 236.553 đồng, lãi quá hạn là 6.963.702 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận tính từ ngày 08/5/2026 cho đến khi bà D thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà D trả các khoản phí quản lý hồ sơ số tiền là 3.155.257 đồng, phí mượn xe là 1.022.303 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thùy D phải trả khoản nợ, phí mượn xe theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cùng ngày 24/12/2020. Bà D có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Phạm Thị Thùy D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án buộc bà D phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 07/5/2026 tổng cộng là 14.203.173 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận tính từ ngày 08/5/2026 cho đến khi bà D thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp chứng cứ là bản sao hợp đồng cầm cố số SNM24010106NA23X và giấy mượn xe cùng ngày 11-01-2024. Xét thấy, ngày 24/12/2020 bà D và Công ty đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đối với 01 xe mô tô biển số **67M1-693.96; nhãn hiệu Honda; loại xe WAVE; số khung 3917KY362149; số máy JA39E1229231** theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 057063 cấp ngày 11/11/2019 đứng tên Phạm Thị Thùy D nên có căn cứ xác định giữa bà D với Công ty có giao dịch cầm cố tài sản và mượn tài sản phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty yêu cầu bà D thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 07/5/2026 tổng cộng là 14.203.173 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ ngày 08/5/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp với Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về việc buộc bà D trả các khoản phí quản lý hồ sơ số tiền là 3.155.257 đồng, phí mượn xe là 1.022.303 đồng, kê biên xử lý tài sản bảo đảm. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với bà Phạm Thị Thùy D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng

minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 117; Điều 309, Điều 310; Điều 311; Điều 313; Điều 314; Điều 316; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 494 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Phạm Thị Thùy D.

Buộc bà Phạm Thị Thùy D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 07/5/2026 là 14.203.173 (*Mười bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn một trăm bảy mươi ba*) đồng; trong đó tiền gốc là 7.002.918 (*Bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn chín trăm mười tám*) đồng, lãi trong hạn là 236.553 (*Hai trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi ba*) đồng, lãi quá hạn là 6.963.702 (*Sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm lẻ hai*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/5/2026), bà Phạm Thị Thùy D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố ngày 24/12/2020 cho đến khi bà Phạm Thị Thùy D thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị Thùy D thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ thì buộc Công ty Cổ phần S Có Ngay phải có trách nhiệm xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thùy D 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 057063 cấp ngày 11/11/2019 đứng tên Phạm Thị Thùy D.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Thị Thùy D trả khoản phí quản lý hồ sơ số tiền là 3.155.257 (*Ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy*) đồng, phí mượn xe là 1.022.303 (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn ba trăm lẻ ba*) đồng, kê biên xử lý tài sản bảo đảm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 710.159 (*Bảy trăm mười nghìn một trăm năm mươi chín*) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 867.398 (*Tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi tám*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009837 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần S Có Ngay được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bé Thi

